

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC QUẢN LÝ CÔNG

GS.TS. Đinh Văn Tiến *,
TS. Thái Văn Hà **

Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, quản lý hành chính công, cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ và kỹ năng quản lý nhà nước có thể khái quát theo bốn nội dung cơ bản như sau: hệ thống chính trị, nhà nước và tổ chức nhà nước; quản lý nhà nước, quản lý hành chính công, cải cách hành chính; văn bản quản lý nhà nước; định hướng nâng cao phẩm chất năng lực trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

1. Những nội dung cơ bản về hệ thống chính trị, nhà nước và tổ chức nhà nước

Mỗi quốc gia đều có hệ thống chính trị riêng, hệ thống chính trị đó mang tính toàn vẹn tạo ra quyền lực chính trị trong xã hội. Mọi quyền lực chính trị trong xã hội đều thông qua nhà nước bằng bộ máy nhà nước cầm quyền để thực hiện mục tiêu chính trị. Hệ thống chính trị gồm có ba bộ phận cơ bản: đảng phái chính trị cầm quyền (giữ vai trò lãnh đạo); nhà nước trung tâm trụ cột quyền lực; các tổ chức chính trị xã hội; ba bộ phận trên tác động đến đời sống xã hội dân sự, tạo ra một chế độ tập trung dân chủ tác động tới mọi tổ chức và công dân.

Hệ thống chính trị của Việt Nam, các tổ chức chính trị, các thành viên Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, thanh niên, phụ nữ, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam hợp thành hệ thống chính trị. Mục tiêu của hệ thống chính trị ở Việt Nam là xây dựng Việt Nam thành quốc gia “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

Vai trò Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị là lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị: Đảng xác định mục tiêu, đường lối hoạt động của mọi tổ chức, đề ra chiến lược mục tiêu; Đảng cử đảng viên tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị; xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy; tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện nghị quyết của Đảng trong mọi tổ chức chính trị; chịu trách nhiệm gương mẫu trước nhân dân để thực hiện mục tiêu của hệ thống chính trị.

Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là tập hợp đoàn kết dân tộc để xây dựng hệ thống chính trị và thực hiện mục tiêu của hệ thống chính trị. Mặt trận Tổ quốc Việt

* Phó Hiệu trưởng Trường Đại học KD&CN Hà Nội.

** Viện Đào tạo sau đại học, Trường Đại học KD&CN Hà Nội.

Nam có vai trò phản biện xã hội, phản biện các hoạt động của các cơ quan tổ chức nhà nước.

Vai trò của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là trung tâm quyền lực trụ cột trong hệ thống chính trị. Để khẳng định khả năng và thực hiện vai trò này, nhà nước phải đảm bảo được năm nội dung trọng tâm sau:

- Nhà nước là một tổ chức đảm bảo sự ra đời và hoạt động thường xuyên của hệ thống chính trị;

- Nhà nước hoạt động dựa trên hệ thống pháp luật mang tính bắt buộc chung, điều chỉnh hoạt động của các thành viên, các tổ chức xã hội;

- Nhà nước sử dụng những phương pháp nhất định trong quản lý nhà nước để phù hợp với từng đối tượng, mục đích,...; trong các phương pháp đó, phương pháp dùng quyền lực đơn phương, cưỡng chế bắt buộc mang đặc tính của việc thực hiện trung tâm quyền lực nhà nước;

- Nhà nước là một tổ chức thể hiện một cách khoa học có tính chất thứ bậc chặt chẽ từ cơ sở đến trung ương; cấp dưới phục tùng cấp trên với sự kết hợp chặt chẽ, ràng buộc cả bộ máy hoạt động có hiệu lực cao;

- Nhà nước phải xây dựng được lực lượng mạnh nhằm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội, đảm bảo sự an ninh độc lập của đất nước, có hệ thống cơ sở vật chất kinh tế - xã hội tạo điều kiện để thực hiện trung tâm quyền lực trụ cột trong hệ thống chính trị.

Bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là:

- Nhà nước dân chủ, pháp quyền

xã hội chủ nghĩa. Dân chủ không chỉ là đường lối, chủ trương mà còn được thể chế hóa bằng pháp luật, thể hiện trong mọi mặt đời sống xã hội. Thực hành dân chủ để đảm bảo mục đích bản chất hoạt động nhà nước của dân, do dân, vì dân, đảm bảo người dân là chủ thể quyền lực nhà nước;

- Nhà nước hoạt động theo hiến pháp và pháp luật. Công cụ hoạt động và quản lý đều dựa trên hệ thống pháp luật, thực hiện theo khuôn khổ pháp luật. Hệ thống pháp luật là công cụ quản lý, căn cứ pháp lý và cũng là chứng cứ pháp lý cao nhất điều chỉnh toàn bộ mọi tổ chức và thành viên trong xã hội. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được tổ chức thực hiện ba quyền lực: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Đặc điểm của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang tính kế thừa và tiếp thu những tinh hoa của lịch sử trong và ngoài nước, đồng thời có những đặc điểm riêng so với các nhà nước khác:

- Xác lập dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng tối cao pháp luật, đứng đầu là hiến pháp, không có tổ chức và cá nhân nào đứng ngoài hiến pháp;

- Mọi tổ chức hoạt động của nhà nước, mọi tổ chức công dân đều phải sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật; thống nhất về quyền lực, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân, người dân là chủ thể của quyền lực. Các cơ quan tổ chức nhà nước không phân chia quyền lực mà chỉ có sự phân công phối hợp

thực hiện ba quyền lực nhà nước là lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ba hệ thống các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp được phân công thực hiện quyền lực nhà nước của nhân dân. Sự phân công phối hợp ba quyền lực nhà nước được thực hiện trong tất cả quá trình tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước trong các ngành, các tổ chức cơ quan, các cấp từ cơ sở đến trung ương.

Tổ chức bộ máy của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được hình thành từ đặc điểm của Nhà nước, với ba hệ thống các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp:

a) Hệ thống các cơ quan lập pháp.

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, là cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước, là cơ quan có quyền lập hiến và lập pháp, là cơ quan giám sát các hoạt động của nhà nước, giám sát chính phủ, tòa án nhân dân tối cao, viện kiểm sát nhân dân tối cao. Đại biểu quốc hội do nhân dân bầu ra, đại diện cho dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan của Quốc hội có quyền ban hành nghị quyết và pháp lệnh. Hoạt động cao nhất của Quốc hội là kỳ họp của Quốc hội.

Chủ tịch nước là người đứng đầu thay mặt nhà nước thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại do Quốc hội bầu và bãi nhiệm. Chủ tịch nước có quyền ký công bố đạo luật và pháp lệnh, ngoài ra còn có một số quyền lập pháp và tư pháp.

Hội đồng Nhân dân các cấp do nhân dân địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực của địa phương, có nhiệm vụ và trách nhiệm trước nhân dân địa phương và các

cơ quan nhà nước cấp trên, giám sát thi hành hiến pháp, pháp luật và các quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, có quyền ra nghị quyết và giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng Nhân dân địa phương. Hội đồng Nhân dân địa phương là cơ quan lập pháp, đồng thời là cơ quan thực hiện hành pháp ở địa phương do có nhiệm vụ thi hành các quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên, trong đó có cơ quan nhà nước cấp trên về hành pháp.

b) Hệ thống các cơ quan hành pháp.

Chính phủ là cơ quan chấp hành Quốc hội, do Quốc hội bầu và thành lập, chịu sự giám sát của Quốc hội, là cơ quan hành chính cao nhất của nhà nước, thống nhất quản lý các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại. Chính phủ nắm quyền hành pháp trên hai mặt cơ bản: lập quy, ban hành các văn bản dưới luật và tổ chức quản lý điều hành cơ quan hành chính nhà nước.

Thủ tướng do Quốc hội bầu, chịu trách nhiệm trước Quốc hội, báo cáo công tác cho Quốc hội, lãnh đạo Chính phủ, các thành viên Chính phủ và Ủy ban Nhân dân các cấp, đề nghị Quốc hội thành lập hoặc bãi bỏ các bộ, cơ quan ngang bộ, đề nghị Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn bổ hoặc miễn nhiệm Phó Thủ tướng và thành viên Chính phủ; bổ nhiệm, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ quyết định, chỉ thị, thông tư sai trái của bộ trưởng, đình chỉ quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đình chỉ thi

hành nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố đề nghị ủy ban Quốc hội bãi bỏ; chỉ đạo đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất cho hoạt động của Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố.

Bộ trưởng là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước về ngành và lĩnh vực theo đề nghị của thủ tướng đề Quốc hội phê duyệt và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng, có quyền ra quyết định, chỉ thị và thông tư, trong đó thông tư là văn bản quy phạm pháp luật.

Ủy ban Nhân dân các cấp do **Hội đồng Nhân dân** bầu ra, chịu sự giám sát của Chính phủ, Hội đồng Nhân dân, cơ quan nhà nước cấp trên; chấp hành hiến pháp và pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, thực hiện nghị quyết Hội đồng Nhân dân, là cơ quan quản lý các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội ở địa phương (lưu ý: không có an ninh, quốc phòng, đối ngoại).

c) Hệ thống các cơ quan tư pháp: Tòa án Nhân dân các cấp; Viện Kiểm sát Nhân dân các cấp. Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao do Quốc hội bầu ra, chịu trách nhiệm trước Quốc hội, là cơ quan giám sát bảo đảm thực thi hành pháp và pháp luật đối với mọi tổ chức cơ quan nhà nước và các thành viên trong xã hội.

Các giải pháp hoàn thiện hệ thống chính trị Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mục tiêu hoàn thiện hệ thống chính trị là xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; xây dựng nhà nước pháp quyền xã

hội chủ nghĩa; xây dựng hệ thống chính trị, nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy quyền kiểm tra, giám sát, khiếu nại, tố cáo để người dân thực hiện được chủ thể của quyền lực. Để thực hiện được những mục tiêu trên cần làm tốt năm giải pháp:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình hoàn thiện hệ thống chính trị, coi đây là mục tiêu, là nguyên tắc cơ bản;

- Phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ đại diện thông qua Hội đồng Nhân dân các cấp;

- Phát huy vai trò của các cơ quan hành pháp, tư pháp trong cơ chế phân công phối hợp, trong mối quan hệ giữa Đảng, Chính quyền và các tổ chức đoàn thể;

- Tranh thủ sự hợp tác quốc tế và xu hướng của thời đại cũng như sự tiến bộ khoa học – công nghệ;

- Tiếp tục cải cách hành chính nhà nước, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của quá trình hoàn thiện hệ thống chính trị của Việt Nam; thực hiện các nội dung trong Đề án 30 về cải cách hành chính của Chính phủ: *cải cách thể chế; cải tiến tổ chức bộ máy; nâng cao trình độ đội ngũ công chức viên chức nhà nước; cải cách tài chính công; cải cách thủ tục hành chính và chế độ công vụ; hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.*

2. Quản lý nhà nước, quản lý hành chính công, cải cách hành chính

Quản lý hành chính Nhà nước là thực hiện quyền hành pháp trên hai mặt ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thực hiện điều hành, kiểm tra,

kiểm soát. Nội dung của quản lý hành chính nhà nước trong nền hành chính quốc gia bao gồm bốn nội dung sau:

Hoàn thiện thể chế là toàn bộ hệ thống thể chế từ Hiến pháp, Luật pháp và các văn bản dưới luật, các quy định quy chế về quản lý cho tới hệ thống thủ tục hành chính.

Thủ tục hành chính là cụ thể của Pháp luật, là trình tự quy trình được thể chế hóa để thực hiện nhiệm vụ công vụ, để thực hiện các quyết định hành chính. Thủ tục hành chính thể hiện mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với công dân, với các tổ chức xã hội trong việc chấp hành thi hành công vụ, thực thi pháp luật. Thủ tục hành chính tác động đến tất cả các khâu của nền hành chính, các cấp, các ngành, các quá trình quản lý, các thành viên trong tổ chức xã hội. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã coi cải cách thủ tục hành chính là bước đột phá, là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên trong cải cách hành chính của các cơ quan và tổ chức.

Đặc trưng quản lý hành chính nhà nước có chín điểm cơ bản: tính lệ thuộc chính trị, tính pháp quyền, tính toàn dân, toàn diện, tính xã hội, tính hệ thống thứ bậc chặt chẽ, tính thích nghi, tính chuyên môn hóa và nghề nghiệp cao, tính không vụ lợi.

Về bản chất khoa học, quản lý hành chính nhà nước không mang tính giai cấp, tính đảng, nhưng bị lệ thuộc và chi phối bởi tính chính trị và tính giai cấp, tính đảng. Ở Việt Nam hiện nay, nó đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phục vụ cho quốc gia và dân tộc.

Công cụ và phương tiện quản lý

hành chính nhà nước: Quản lý hành chính Nhà nước được thực hiện bằng bốn công cụ sau:

- Các văn bản pháp luật, quyết định hành chính;

- Công sở là trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước và các tổ chức dịch vụ công; công sở hành chính có yêu cầu được quy định về môi trường, trang thiết bị để đáp ứng nhiệm vụ công vụ;

- Công sản: tài sản, hiện vật, tiền, cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư phục vụ việc thi hành công vụ;

- Công vụ và công chức (sẽ đề cập ở phần thứ tư).

Hình thức quản lý hành chính nhà nước gồm ba nội dung quan trọng:

- Ban hành các văn bản pháp quy và các văn bản phục vụ mục tiêu quản lý; đây là hình thức quan trọng nhất trong các hình thức quản lý hành chính nhà nước;

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội họp, các cuộc họp trực tuyến, phổ biến các thông báo;

- Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, internet, điện thoại,... Mọi hình thức quản lý hành chính nhà nước đều phải được văn bản hóa, trở thành pháp chế, thể chế thực hiện quản lý.

Các phương pháp cơ bản quản lý hành chính nhà nước bao gồm: giáo dục, tuyên truyền; kinh tế; tổ chức; cưỡng chế hành chính. Ngoài ra, còn áp dụng một số phương pháp khoa học, như: toán học, thống kê, tâm lý,

Cải cách hành chính nhà nước thực hiện Nghị quyết 30 của Chính phủ về cải

cách hành chính hiện nay bao gồm sáu nội dung: cải cách thể chế; hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy hành chính; nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; cải cách thủ tục hành chính và chế độ công vụ; hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.

Chính phủ Việt Nam đang tiến hành mạnh mẽ áp dụng và thực hiện Chính phủ điện tử, áp dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý hành chính nhà nước từ cơ sở, thôn, bản, xã đến các tỉnh, thành phố, các bộ, ngành và cơ quan trung ương, thực hiện một Chính phủ kiến tạo, liêm chính và phục vụ nhân dân.

3. Văn bản quản lý nhà nước

Văn bản quản lý nhà nước là phương tiện hữu hiệu được thể chế hóa trong hoạt động quản lý. Văn bản là phương tiện thông tin quan trọng trong tất cả các khâu của quá trình quản lý, là công cụ hữu hiệu để ghi lại thông tin. Văn bản quản lý nhà nước có đặc điểm và chức năng:

Chức năng đặc điểm thông tin là chức năng chủ yếu trên ba hệ thống: thông tin quá khứ; thông tin hiện hành: chính sách, chủ trương đang áp dụng và đang thực thi; thông tin dự báo, gồm kế hoạch, định hướng, dự báo chủ trương.

Chức năng pháp lý: văn bản chứa đựng những quy phạm pháp luật và những quan hệ về luật pháp trong hoạt động của cơ quan nhà nước, văn bản giải quyết nhiệm vụ điều hành công việc của cơ quan, tổ chức, do đó văn bản có pháp lý trên hai mặt: căn cứ pháp lý và chứng cứ pháp lý.

Chức năng quản lý: văn bản là công cụ tất yếu cho tất cả các khâu của quy

trình quản lý, từ ra quyết định tới tổ chức thực hiện. điều hành, điều chỉnh kế hoạch mục tiêu, đánh giá thực hiện mục tiêu, không có nội dung nào không cần đến văn bản.

Văn bản quản lý nhà nước được phân theo bốn loại:

- Văn bản quy phạm pháp luật quản lý nhà nước, do các cơ quan nhất định có thẩm quyền được phép ban hành theo luật định. Nó yêu cầu ràng buộc chặt chẽ về pháp luật, thể thức, thẩm quyền và đặt yêu cầu về tính hợp pháp, hợp lệ của văn bản. Nó được áp dụng nhiều lần cho nhiều đối tượng (ví dụ như hiến pháp, luật, bộ luật, nghị quyết, nghị định, quyết định).

- Văn bản hành chính thông thường, là loại văn bản tất cả các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước được phép ban hành nhằm thực hiện nội dung, mục đích công vụ và việc ban hành phải đúng luật (ví dụ như tờ trình, công văn, báo cáo, thông báo, giấy đi đường, giấy giới thiệu, thư công,...);

- Văn bản quản lý nhà nước về chuyên môn nghiệp vụ, là loại văn bản do các cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ được phép ban hành để điều chỉnh những vấn đề chuyên môn nghiệp vụ cho những đối tượng nhất định (ví dụ báo cáo tài chính, bảng quyết toán, bảng tổng kết tài sản,...);

- Văn bản liên quan về khoa học kỹ thuật, dành cho những đối tượng nhất định có liên quan (ví dụ như bản thiết kế kỹ thuật, bản quy hoạch,...).

Yêu cầu của văn bản quản lý nhà nước có ba nhóm sau:

- Nhóm yêu cầu hợp pháp: văn bản phải đúng luật, không được trái với văn bản cấp trên, đúng thẩm quyền, đúng thể thức, yêu cầu chặt chẽ về thể thức, thẩm quyền, phạm vi điều chỉnh, về thời gian và đối tượng;

- Nhóm yêu cầu về tính khả thi: phù hợp với điều kiện thực tiễn, giải quyết hài hòa bố cục chặt chẽ, văn phong theo hành chính công vụ, đơn nghĩa và có tính khả thi cao;

- Nhóm yêu cầu về tính kịp thời: phải kịp thời, phải ra đúng thời điểm, chỉ rõ thời gian thực hiện, đúng đối tượng, có không gian, thời gian và địa điểm.

Thể thức văn bản có 9 yếu tố cấu thành: quốc hiệu; tên cơ quan ra văn bản; số, ký hiệu văn bản; trích yếu văn bản; địa danh, ngày tháng năm ban hành văn bản; tên loại văn bản; chữ ký của người có thẩm quyền ký văn bản; dấu; nơi nhận văn bản.

Quy trình soạn thảo văn bản và quản lý văn bản: tổ chức thu thập thông tin để chuẩn bị; soạn thảo văn bản; trình duyệt văn bản; quyết định lưu hành văn bản; thực hiện văn bản.

4. Định hướng nâng cao phẩm chất năng lực trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Một số khái niệm cơ bản về công vụ, cán bộ, công chức, viên chức như sau:

Cán bộ, công chức, viên chức là công dân của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được tuyển dụng, bố trí xếp vào thang bậc, sử dụng chuyên môn hành chính nhà nước, hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn tài chính công. Do vậy, cần phân biệt họ có

đáp ứng ba tiêu chí trên hay được bầu theo phổ thông đầu phiếu quy định của pháp luật để phân biệt giữa cán bộ, công chức và viên chức (theo Luật Cán bộ, công chức 2008 và Luật Viên chức 2010).

Công vụ là một lao động xã hội do các cơ quan hành chính nhà nước tiến hành nhằm thực hiện mục đích, nhiệm vụ quản lý của mình. Công vụ được bảo hộ của pháp luật và phải tuân thủ pháp luật. Công vụ được thực hiện bởi kinh phí từ ngân sách nhà nước và nguồn tài chính công. Công vụ có các nguyên tắc và nghĩa vụ như sau: nguyên tắc tuân thủ hiến pháp và pháp luật; nguyên tắc lập quy dưới luật; nguyên tắc đúng thẩm quyền trong phạm vi công vụ; nguyên tắc chịu trách nhiệm; thống nhất vì lợi ích công; công khai; liên tục kế thừa; tập trung dân chủ.

Các mục tiêu của công vụ: phục vụ nhà nước, phục vụ nhân dân, không có mục đích riêng của cá nhân, mang tính xã hội cao, duy trì an ninh, an toàn trật tự xã hội, không vì lợi nhuận.

Luật Cán bộ công chức 2008 và Luật Viên chức 2010 đã quy định nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức.

Xu thế cải cách chế độ công vụ hiện nay là: tăng cường hiệu quả hoạt động của chính phủ thông qua kiểm soát chi tiêu; nâng cao chất lượng dịch vụ công; tăng cường sự tham gia của nhân dân vào hoạt động công vụ; đẩy mạnh phân quyền trong hoạt động công vụ; cải cách chế độ quản lý công chức; phát triển nền công vụ theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; vận dụng các nguyên tắc và

phương pháp quản lý doanh nghiệp vào quản lý chế độ công vụ; hiện đại hóa nền công vụ.

Định hướng cải cách chế độ công vụ ở Việt nam hiện nay: bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ; đổi mới hệ thống chính trị gắn với đổi mới tổ chức hoạt động bộ máy nhà nước; góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế; hướng vào phục vụ nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; chú trọng nâng cao năng lực đạo đức công vụ, trách nhiệm của cán bộ công chức và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

Hiệu lực thi hành công vụ là mức độ đạt được mục đích cơ bản của nền công vụ, đạt được những mục tiêu và hoàn thành các nhiệm vụ đã đề ra. Hiệu lực thực thi công vụ phụ thuộc vào các yếu tố: năng lực thực thi, chất lượng hoạt động của bộ máy nhà nước (thể chế, tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức và nguồn lực công); sự ủng hộ và giám sát của nhân dân; đặc điểm tổ chức, nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị, nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Hiệu quả hoạt động của nền công vụ đạt được trong mối tương quan về chi phí và các nguồn lực, được thể hiện trên các phương diện sau: đạt được mục tiêu đề ra với một mức độ nhất định về chi phí nguồn lực; kết quả càng cao, chi phí càng thấp; đạt được mục tiêu với quan hệ chi phí nguồn lực, tài chính nhân lực và quan hệ hiệu quả xã hội; hiệu quả công vụ phải được tính cả chất và lượng, cả thời gian và không gian, ảnh hưởng lâu dài đến quản lý nhà nước.

Hiệu lực, hiệu quả công vụ được đánh giá bằng các nhóm tiêu chí sau: nhóm tiêu chí đánh giá theo đầu vào; nhóm tiêu chí đánh giá theo đầu ra; nhóm tiêu chí đánh giá theo kết quả; nhóm tiêu chí đánh giá theo quá trình thực thi công vụ. Đánh giá hiệu lực hiệu quả công vụ phải theo mối quan hệ giữa kết quả và chi phí nguồn lực tài chính đồng thời phải chú ý đến các yếu tố khác về mức độ dân chủ công bằng; mối quan hệ nhà nước với các tổ chức, công dân; mức độ công khai minh bạch về thông tin quản lý nhà nước; đơn giản hóa thủ tục hành chính; mức độ tin cậy; sự hài lòng của người dân.

Những biện pháp nâng cao hiệu quả công vụ:

- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức;
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng những giải pháp sau đây: đổi mới quy trình chế độ tuyển dụng công chức; quản lý công chức theo hướng kết hợp tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm với chỉ tiêu biên chế xác định cơ cấu công chức theo ngạch, thi nâng ngạch công chức theo nguyên tắc cạnh tranh; đổi mới đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (cả chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo đội ngũ công chức, viên chức); xây dựng văn hóa công sở, văn hóa giao tiếp ứng xử của công chức (các tổ chức cơ quan cần có bộ quy chế giao tiếp ứng xử của cán bộ, công chức); tăng cường thanh tra công vụ là thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định.

Quản lý nhà nước, quản lý hành chính công, quản lý công là chuyên ngành khoa học ứng dụng, do đó những khái niệm định nghĩa khác với những môn khoa học cơ bản. Dù vậy, nội dung của quản lý nhà nước, quản lý hành chính công, quản lý công phải đảm bảo bốn nội dung cơ bản: hệ thống thể chế quản lý; hệ thống tổ chức bộ máy; đội ngũ cán bộ công chức viên chức và kinh phí phục vụ công vụ (tài chính công)/.

Tài liệu tham khảo

1. GS.TS. Đinh Văn Mậu. *Các bài giảng về hệ thống chính trị nhà nước, tổ chức nhà nước dùng cho chuyên viên cao cấp tại Học viện Hành chính Quốc gia*.
2. Bộ Nội vụ. *Những vấn đề cơ bản về quyền lực nhà nước, cải cách chế độ công vụ và đánh giá chính sách công*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.
3. *Khoa học quản lý*. Sách chuyên khảo, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2016.
4. *Quản lý công*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.